

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc .

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; bà H' Thủy Bon Jốc Du.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2022, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 03/11/2021, quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 01/02/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị N và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh H còn thường xuyên đe dọa, xúc phạm, đánh đập chị N. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H.

- *Về con chung*: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Bùi Kim N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Băng B, sinh ngày 03/7/2020. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn H trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị N tự nguyện kết hôn năm 2018, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn anh chị chỉ có mâu thuẫn nhỏ do anh H cư xử chưa đúng mực, anh H không đánh đập chị N. Anh H không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh H và chị N có 02 con chung là Phạm Bùi Kim N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Băng B, sinh ngày 03/7/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh H và chị N ly hôn thì anh H đồng ý giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn H chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao 02 con chung là Phạm Bùi Kim N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Băng B, sinh ngày 03/7/2020 cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Bị đơn anh Phạm Văn H có nơi cư trú tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 01/02/2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N. Xét thấy, sau khi kết hôn vợ chồng chị N và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị N không còn tình cảm với anh H, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung các biên bản xác minh tại nơi chị N và anh H sinh sống thì khoảng tháng 11 năm 2021 chị N và anh H có mâu thuẫn, chị N đến Công an xã Q trình báo về việc bị chồng là anh H đánh đập, Công an xã Q đã mời anh chị lên làm việc, phân tích, hòa giải, anh chị thống nhất tự về nhà giải quyết. Về nội dung mâu thuẫn thì hiện nay chính quyền không nắm được vợ chồng chị N và anh H có mâu thuẫn như thế nào.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị N và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị N là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Bùi Kim N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Băng B, sinh ngày 03/7/2020. Chị N có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con đến tuổi trưởng thành. Tại phiên hòa giải anh H đồng ý giao 02 con chung cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là 02 con chung là Phạm Bùi Kim N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Băng B, sinh ngày 03/7/2020 cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003148 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Bùi Kim N, sinh ngày 02/01/2019 và Phạm Băng B, sinh ngày 03/7/2020 cho chị Bùi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Bùi Thị N không yêu cầu anh Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị N và anh H có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị N và anh Phạm Văn H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Bùi Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003148 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Q;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi